|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  Số: /2020/TT-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

*Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán và kiểm toán,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện phải thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện phải thực hiện chế độ kế toán nhưng có nhu cầu thực hiện chế độ kế toán.

**Điều 2. Tổ chức công tác kế toán**

1. Việc bố trí người làm kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quyết định.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư này, ngoài ra được căn cứ vào các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa để lựa chọn áp dụng chứng từ kế toán, sổ kế toán phục vụ việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được căn cứ vào các quy định về tổ chức bộ máy kế toán, về lưu trữ tài liệu kế toán theo quy định của pháp luật kế toán để thực hiện công tác kế toán tại đơn vị nhằm phục vụ cho việc xác định nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với NSNN.

4. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trên thu nhập tính thuế theo pháp luật thuế quy định thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Chương II Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

**CHƯƠNG II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Chứng từ kế toán**

1. Nội dung chứng từ kế toán, việc lập và ký chứng từ kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật kế toán và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được căn cứ vào các quy định về việc lập và lưu trữ chứng từ kế toán dưới dạng điện tử theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Kế toán.

3. Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hóa đơn (kể cả hóa đơn điện tử) thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng chứng từ kế toán theo danh mục sau đây và chứng từ khác theo quy định của pháp luật thuế:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chứng từ** | **Ký hiệu** |
| **I** | **Các chứng từ quy định tại Thông tư này** |  |
| 1 | Phiếu thu | Mẫu số 01-TT |
| 2 | Phiếu chi | Mẫu số 02-TT |
| 3 | Phiếu nhập kho | Mẫu số 03-VT |
| 4 | Phiếu xuất kho | Mẫu số 04-VT |
| 5 | Bảng thanh toán tiền lương và các khoản thu nhập của người lao động | Mẫu số 05-LĐTL |
| **II** | **Các chứng từ quy định theo pháp luật thuế** |  |
| 1 | Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng |  |
| 2 | Giấy nộp thuế vào NSNN |  |
| 3 | Giấy báo Nợ của ngân hàng |  |

Mục đích sử dụng, biểu mẫu, nội dung và phương pháp lập các chứng từ kế toán quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 *"Biểu mẫu và phương pháp lập chứng từ kế toán"* ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Sổ kế toán**

1. Nội dung sổ kế toán, việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, lưu trữ sổ kế toán tại hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 Luật Kế toán và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được căn cứ vào các quy định về việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán trên phương tiện điện tử theo quy định tại Luật Kế toán để thực hiện cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng các trường hợp sửa chữa sổ kế toán theo quy định tại Luật Kế toán để thực hiện cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ tính trên doanh thu áp dụng sổ kế toán theo danh mục sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sổ kế toán** | **Ký hiệu** |
| 1 | Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ | Mẫu số S1- HKD |
| 2 | Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mẫu số S2-HKD |
| 3 | Sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN | Mẫu số S3-HKD |
| 4 | Sổ theo dõi tình hình thanh toán tiền lương và các khoản nộp theo lương của người lao động | Mẫu số S4-HKD |

Mục đích sử dụng, biểu mẫu và phương pháp ghi sổ kế toán đượchướng dẫn tại Phụ lục 2 “*Biểu mẫu sổ kế toán và phương pháp ghi sổ kế toán”* ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Xác định doanh thu, chi phí, nghĩa vụ thuế**

Việc xác định doanh thu, chi phí, nghĩa vụ thuế đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của các hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày ......

2. Quyết định số 169/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán hộ kinh doanh và Quyết định số 131/2002/QĐ-BTC ngày 18/10/2002 về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hộ kinh doanh sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Uỷ ban Nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai hướng dẫn các hộ kinh doanh thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng TW và các ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;  - Toà án Nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);  - Website Bộ Tài chính;  - Công báo;  - Lưu: VT, Cục QLGS KT, KT. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Đỗ Hoàng Anh Tuấn** |